



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 127369

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO X

EXIT VISA#: 25466/89 DC1

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TIEN CHINH
Last Middle First

Current Address: 57 C TU XUONG, QUAN 3, THANH PHO HO CHI MINH, VIETNAM

Date of Birth: 08 MARCH 1946 Place of Birth: VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) LIEUTENANT/ AIR FORCE
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 25 JUNE 1975 To AUGUST 1980
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI NANG
Name
GARDEN GROVE, CA. USA
Address and Telephone Number PHONE: (714) 537-1391

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>PLEASE SEE ATTACHED SHEET</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Sept. 27. 89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TIEN CHINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VU THI MONG THU	23 NOV. 1958	WIFE

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỔ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TIEN CHINH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : MARCH 08 1946
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu):
MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): MARRIED
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 57 C TU XUONG, QUAN 3, THANH PHO HO CHI MINH, VIETNAM
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) YES No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): 25TH JUNE 1975 To (Den): AUGUST 1980
PLACE OF RE-EDUCATION: TAN HIEP CAMP, KATUM CAMP, SUOI MAY CAMP
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): LIEUTENANT/ AIR FORCE
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): TWO TIMES (DOCUMENTS ATTACHED)
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): LIEUTENANT / AIR FORCE
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu):
Date (nam):
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): YES
IV Number (So ho so): IV-127369
No (Khong):
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): ONE (01)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN):
57 C TU XUONG, QUAN 3, THANH PHO HO CHI MINH, VIETNAM
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN THI NANG
GARDEN GROVE, CA JSA
U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong): NONE
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): MOTHER
NAME & SIGNATURE: NGUYEN THI NANG
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
SAME
DATE: SEPTEMBER 27TH 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TIEN CHINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VU THI MONG THU	23 NOV. 1958	WIFE

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ODP FILE NUMBER IV- 127369
(APPLICANT: NGUYEN TIEN CHINH)

.... CONTINUED:

4. NAMESE OF RELATIVES, ACQUAINTANCES IN THE USA.:

<u>FULL NAME:</u>	<u>ADDRESS & TELEPHONE NUMBER:</u>	<u>RELATIONSHIP:</u>
1- NGUYEN TIEN DAI	- GARDEN GROVE, CA	- FATHER
2- NGUYEN THI NANG	- SAME AS ABOVE	- MOTHER
3- NGUYEN TIEN MINH	- SAME AS ABOVE	- BROTHER
4- NGUYEN TIEN THINH	- FOUNTAIN VALLEY, CA	- BROTHER
5- NGUYEN THIEN HUONG	- INDIANAPOLIS, IN.	- SISTER
6- NGUYEN HOANH	- SAN CLEMENTE, CA.	- BROTHER
7- NGUYEN DAN QUE	- NEW YORK, NY.	- SISTER
8- NGUYEN PHUONG MAI	- VALLEJO, CA.	- SISTER
9- NGUYEN THUY HANG	- ,SANTA ANA, CA.	- SISTER

---//---

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

FEB 3, 1978

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN TIEN CHINH
VU THI HONG THU

BORN 8 MAR 46 (IV 127369)
BORN 23 NOV 58 WIFE

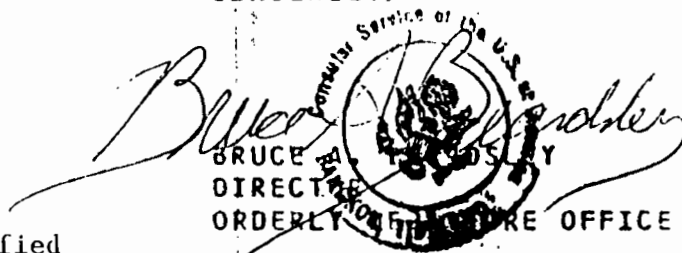
ADDRESS IN VIETNAM: 57 C TU XUONG
Q 03
T/P HO CHI MINH

VERL: 43520

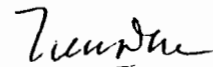
SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI
BANGKOK, THAI-LAN, DI HOP DON TAI SU QUAN MY DE SANG HOA KY,
VOI DIU KIEN HO QUOC KHAN SUC KHOE TAI VIET NAM, VA DUOC
PHONG VAN HOA DAN HINH CUA CHUONG TRINH RA DI CO TRAT TU CUA
HOA KY. NHU THI YEU CAU KHOI THAN QUYEN CAP CHO HO GIAY
PHAT HANG HOA KY. HANG GIAY TO CAN THIET DE ROI VIET NAM. /
THE ABOVE PERSONS ARE GIVEN PERMISSION FOR THE ABOVE PURPOSE
TO COME TO THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THE
EMBASSY OF THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE
A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE
OF THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM.
WE HEREBY HAVE THE AUTHORITY TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE
NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

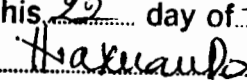
NHUNG NGUOI KE TREN DA DUOC UNHCR DE NGHI TOI THAN QUYEN
VIET NAM THEO DA H SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY. /
THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHOR-
ITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

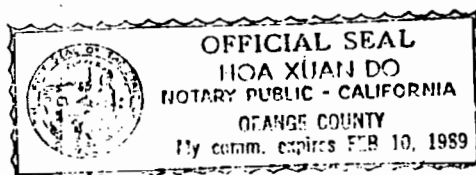
SINCERELY,


BRUCE H. ANDERSON
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTURE OFFICE

I, undersigned DAI TIEN NGUYEN, certified
ODP-1 this is a true copy from original.
11757 2611013


DAI TIEN NGUYEN

Subscribed and sworn to before me
this 22 day of February 1978
 Notary Public
CALIFORNIA



BO NOI VU
TRAI CAI TAO TAN HIOP

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc.

Số: 452/GH

08/11/1961

Thống tư số 966/UC-IT ngày 31 tháng 5 năm 1961 của Bộ Nội
Vụ, Thủ tướng nhân văn, quyết định tha số: 101 ngày 01 tháng 8 năm 1960

con Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên dưới đây:

Họ và tên thật sinh: Nguyễn Tiến Chính.

Họ và tên thường dùng:

Sinh ngày tháng năm 1946 tại Nơi sinh: Lạng Sơn.

Nơi đăng ký nhận khám thương trú trước khi bị bắt:

57 C, Tú xương, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Cao tột: Trung úy, sĩ quan căn bản tiếp sự.

Ngày bắt: 25-6-1975 Ấn ph: TTCT.

Thao quyết định nhân văn số ngày tháng năm x
của:

Đã bị tăng án lần cộng thành năm
Đã được giảm án lần cộng thành tháng.

Nay về cư trú tại: 57 C, đường Tú xương, quận 3, t/p Hồ Chí Minh.

NHÂN KẾT QUA TRIỆI CẢI TẠO.

Quản chế 12 tháng tại địa phương.

(Không được cư trú tại thành phố).

Lên tay ngón trở phải:

Họ tên, chữ ký của

Ngày 01 tháng 8 năm 1960.

Quản: Nguyễn Tiến Chính

người được cấp giấy

Chức vụ:

Danh bản số: 6722

Lập tại: Tân Hiệp.

Wuile

Nguyễn Tiến Chính

Trưng t: Đào-Lương.

KBC. 3.011, ngày 15 Th 10.1974

TSI.LAM.St.18.09.1974
VIET-NAM CONG-HOA

BO QUOC-PHONG

BO TONG THAM-MUU QLVNCH

KHONG-QUAN

BO TU-LENH

HUAN-LUYEN

() AI-TUONG CAO-VAN-VIEN
Tong Tham-Muu Truong QLVNCH

2

Số : 17.433/TTM/KQ/HL/ĐHHL/CSVĐ

- Chiếu Huân-Thi số 0068/QP/DL/7 ngày 05.01.1961, ấn định thể thức cấp phát BẰNG CHUYÊN-MÔN Sĩ-quan Không-Quân.
- Tham-chiếu Sư-Vụ Văn-Thư mãn các khóa huấn-Luyện chuyên-môn trong nước phổ biến dưới các số :
 - + 13.697/TTM/KQ/HL/ĐHHL/1.3 ngày 09.08.1974
 - + 13.215/TTM/KQ/HL/ĐHHL/1.2 ngày 02.08.1974
- Tham-chiếu Sư-Vụ Văn-Thư mãn các khóa huấn-luyện chuyên-môn tại ngoại quốc phổ biến dưới các số :
 - + 05.627/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 09.04.1974
 - + 12.281/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 19.07.1974.
 - + 14.721/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 27.08.1974.
 - + 13.701/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 09.08.1974
 - + 12.778/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 14.07.1973.
- Tham-chiếu định chánh số : 11807/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 12.07.1974.
- Theo đề nghị của Trung-Tướng Tư-Lệnh Không-Quân.

() U Y E T - () I N H

ĐIỀU 1. - Nay cấp phát BẰNG CHUYÊN-MÔN SĨ-QUAN cho các quân-nhân có tên sau đây :

Số :	HỌ và TÊN	Cấp :	Số QUÂN	Số :	Nơi	ĐƠN-VỊ
T.T :		bậc :		bằng:	Huân-Luyện	
(1):	(2)	(3)	(4)	(5):	(6)	(7)

-o- BẰNG SĨ-QUAN AN-NINH -o-

- 82.21 -

Kể từ ngày 01.06.1974

45 :	Đỗ-mạnh-QUANG	Ch/Ủy :	73/607.540	: 070 :	LACKLAND,	: ĐVQKQ/ts
46 :	Lê-minh-TUÂN	/ :	72/609.420	: 071 :	WASHINGTON	: "
47 :	Nguyễn-tân-PHÁT	Tr/Ủy :	69/601.094	: 072 :	"	: "
48 :	Nguyễn-tiến-CHÍNH	/ :	66/601.860	: 073 :	"	: "

ĐIỀU 2. - Các đương-sự được phép phục-vụ trong ngành chuyên-môn mọi kể từ ngày được cấp phát bằng này.

ĐIỀU 3. - Các Đơn-vị Trưởng có nhiệm-vụ :

- a-Thông-báo và cấp phát một bản trích-lục Quyết-Định này cho mỗi đương-sự
- b-Xếp một bản vào hồ-sơ quân-bạ của các đương-sự sau khi nhất tu.
- c-Trường hợp có quân-nhân đã chuyển chuyên đi đơn-vị khác, thông-báo tiếp cho đơn-vị mới của đương-sự.

NƠI NHẬN :

Đại-Tướng CAO-VAN-VIEN
Tong Tham-Muu Truong QLVNCH
(ky tên và đóng dấu)

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

KBC. 3.011, ngày 13.11.1974

TUN. CHÁNH SỞ AN-NINH KHÔNG-QUÂN

Đại-Ủy VŨ-CHÍNH-THỰC

Trưởng Ban Hành-Chánh

VIET-NAM CONG-HOA
BO QUOC-PHONG
BO TONG THAM-MUU QLVNCH
KHONG-QUAN
BO TU-LENH
AN - NINH





CERTIFICATE OF AERONAUTICAL RATING
FROM THE DEPARTMENT OF THE AIR FORCE OF THE UNITED STATES OF AMERICA

TO ALL WHO SHALL SEE THESE PRESENTS, GREETINGS:

THIS IS TO CERTIFY THAT

Nguyen Tien Chinh

**HAS SATISFACTORILY COMPLETED THE
PRESCRIBED COURSES OF INSTRUCTION
OF THE AIR TRAINING COMMAND.**

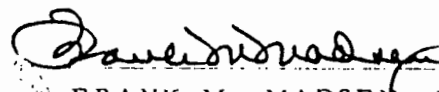
SPECIALIZING IN

UNDERGRADUATE PILOT TRAINING

**IN TESTIMONY WHEREOF AND BY VIRTUE OF
VESTED AUTHORITY I DO CONFER UPON HIM THIS
DIPLOMA AND THE AERONAUTICAL RATING OF**

PILOT

GIVEN AT KEESLER AFB, MISSISSIPPI ON THIS SEVENTEENTH
DAY OF JULY IN THE YEAR OF OUR LORD ONE THOUSAND
NINE HUNDRED AND SEVENTY


FRANK M. MADSEN, I
MAJOR GENERAL, USAF

pv. p212 thi lui
Si fime 15 gio 21/3/74

VIỆT-NAM CỘNG HÒA
(REPUBLIQUE DU VIET-NAM)

BỘ QUỐC - PHÒNG
(SECRÉTARIAT D'ÉTAT À LA DÉFENSE NATIONALE)

S U - V U - L E N H
LỆNH ĐI-CHUYỂN SỐ 131/QP/TCTT/HG1/A/SVL
ORDRE DE DÉPLACEMENT N°

Tổng-Trưởng Quốc-Phòng cho phép : HAI (02) quan nhân có tên sau :

- 1/- Trung-Úy NGUYỄN TIẾN CHINH sq: 66/601.860
2/- NGUYỄN TÂN PHÁT sq: 69/601.094

2

để đi Tu SAIGON đến HOA KÝ ghe Phi Luật Tân và trở về .
de se rendre

LÝ-DO Học khoa "SPECIAL INVESTIGATION" tại Hoa-Ký (Chương trình MAP)
Motif du déplacement

THAM - CHIẾU PDT số 1673/TTM/TQH ngày 14/03/1974
Référence

PHƯƠNG TIỆN CHUYỂN CHỖ Phi cơ quan su Hoa-Ký .
Moyens de transport

NGÀY ĐI 20/03/1974
Date de départ

THỜI GIAN ĐI CHUYỂN 10 tuần lễ.
Durée du déplacement

Phí khoản công vụ sẽ do quỹ MAP đài thọ
Les frais de mission seront imputés au

Yêu cầu các nhà chức trách quân dân chính dành mọi sự dễ dàng cho
Les autorités civiles et militaires sont priées de faciliter à

các đương sự trong khi đi chuyển mà Chính phủ đã giao phó.
L'accomplissement du déplacement qui lui a été confié par le Gouvernement du Viet Nam

NOI NHAN :

- Bo Tổng Tham Mưu/VF.TMT
- Tổng Cục Quan Huan/TTM
- Bo Tư Lệnh Không Quân
- Bo Ngoại Giao (Mha PL-HC-VN-LS)
- "trần trong yêu cầu Quý Bộ cấp sơ thông hành cho các đương sự"
- Phòng TVQL cảnh Toà Đại-Su VNCH tại Hoa-KY (qua P.Suu-Tam/BQP)
- Cục An Ninh Quân Đội
- Phòng Suu-Tam/BQP
- Ho-so - Lưu .-

19/03/1974
Saigon, TTTTOM: TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
TL. PHU TA TƯỚNG TRƯỞNG QUỐC PHÒNG
Dong-Ly Van-Thong
AN KÝ : ĐO DĨNH LUY
SÁC Y BAN CHÁNH :
BỘ 3011 ngày 19/03/1974
Trưởng-Ta NGO KHÁC THUAT
Trưởng Phòng C Huyền Van/BTKQ



MẤU
20.12.65 QĐ-595 B

11.65. TTALAP. O. 1580

CHỦ AN-QUÂN QUẢN LÝ
PHIÊN BẢN 1.0
CHỦ AN-QUÂN QUẢN LÝ
Ngày 21-3-74

CHỦ AN-QUÂN QUẢN LÝ NGUYỄN TIẾN CHINH

2997

15
CHỦ AN-QUÂN QUẢN LÝ

KBC. 3.011, ngày 15 Th 10.1974

TSI-LAM-31.10.07.1974
VIET-NAM CONG-HOA
BO QUOC-PHONG
BO TONG THAM-MUU QLVNCH
KHONG-QUAN
BO TU-LENH
HUAN-LUYEN

ĐAI-TUONG CAO-VAN-VIEN
Tong Tham-Muu Truong QLVNCH

2

SỐ : 17.433/TTM/KQ/HL/ĐHHL/CSVĐ

- Chiếu Huân-Thi số 0068/QP/DL/7 ngày 05.01.1961, ấn định thể thức cấp phát BẰNG CHUYÊN-MÔN Sĩ-quan Không-Quân.
- Tham-chiếu Sư-Vũ Văn-Thư mãn các khóa huấn-Luyện chuyên-môn trong nước phổ biến dưới các số :
 - + 13.697/TTM/KQ/HL/ĐHHL/1.3 ngày 09.08.1974
 - + 13.215/TTM/KQ/HL/ĐHHL/1.2 ngày 02.08.1974
- Tham-chiếu Sư-Vũ Văn-Thư mãn các khóa huấn-luyện chuyên-môn tại ngoại quốc phổ biến dưới các số :
 - + 05.627/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 09.04.1974
 - + 12.281/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 19.07.1974.
 - + 14.721/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 27.08.1974.
 - + 13.701/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT Ngày 09.08.1974
 - + 12.778/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 14.07.1973.
- Tham-chiếu định chánh số : 11807/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 12.07.1974.
- Theo đề nghị của Trung-Tướng Tư-Lệnh Không-Quân.

(()) U Y E T - (()) I N H

ĐIỀU 1. - Nay cấp phát BẰNG CHUYÊN-MÔN SĨ-QUAN cho các quân-nhân có tên sau đây :

Số :	HỌ và TÊN	Cấp :	SỐ QUAN	Số :	Nơi	ĐƠN-VỊ
T.T:		bậc :		bằng:	Huân-Luyện	
(1):	(2)	(3)	(4)	(5):	(6)	(7)

-o- BẰNG SĨ-QUAN AN-NINH -o-
Kể từ ngày 01.06.1974

- 82.21 -

45 :	Đỗ-mạnh-QUANG	: Ch/Ủy :	73/607.540	: 070 :	LACKLAND,	: ĐVQTKQ/ts
46 :	Lê-minh-TUÂN	: / :	72/609.420	: 071 :	WASHINGTON	: "
47 :	Nguyễn-tân-PHÁT	: Tr/Ủy :	69/601.094	: 072 :	"	: "
48 :	Nguyễn-tiến-CHÍNH	: / :	66/601.860	: 073 :	"	: "

ĐIỀU 2. - Các đương-sự được phép phục-vụ trong ngành chuyên-môn mới kể từ ngày được cấp phát bằng này.

ĐIỀU 3. - Các Đơn-vị Trưởng có nhiệm-vụ :

- a-Thông-báo và cấp phát một bản trích-lục Quyết-Định này cho mỗi đương-sự
- b-Xếp một bản vào hồ-sơ quân-bạ của các đương-sự sau khi nhất-tu.
- c-Trường hợp có quân-nhân đã chuyển chuyên đi đơn-vị khác, thông-báo tiếp cho đơn-vị mới của đương-sự.

NƠI NHẬN :

Đai-Tướng CAO-VAN-VIEN
Tong Tham-Muu Truong QLVNCH
(ky tên và đóng dấu)

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

KBC. 3.011, ngày 13.11.1974

TUN. CHÁNH SỞ AN-NINH KHÔNG-QUÂN

Đai-tư vũ-CHÍNH-TRƯC

VIET-NAM CONG-HOA
BO QUOC-PHONG
BO TONG THAM-MUU QLVNCH
KHONG-QUAN

Họ tên NGUYỄN TIẾN CHINH
 Nom et prénom
 Ngày sinh 1946
 Date de naissance
 Nơi sinh Lạng Sơn
 Lieu de naissance
 Chỗ ở Đp. Hồ Chí Minh
 Domicile
 Quốc tịch Việt Nam
 Nationalité
 Nghề nghiệp /
 Profession
 Nhân dạng Chức cao
 Signalement Taille
 Màu mắt /
 Couleur des yeux
 Vết tích đặc biệt /
 Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
 Photographie du titulaire



Chữ ký
 Signature

- 3 -


 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 REPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
 Passeport

Số 25466/89 PL
 N°

Hộ chiếu này gồm 32 trang
 Ce passeport contient 32 pages

- 1 -

BÍ CHỮ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 25466 XC
 Cấp cho Nguyễn Tiến Chinh
 Công dân Việt Nam
 Đến đây Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
 Từ ngày 20.12.1989
 Hết hạn 20.12.1992
 CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
 1 Trường phòng 2



Nguyễn Phương Liên

- 9 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
 Ce passeport est valable pour se rendre

LIÊN MINH QUỐC HOA KỲ
 ÉTATS UNIS D'AMÉRIQUE

và hết hạn ngày 20.06.1992
 IL expire le

trừ khi được gia hạn
 sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 06 năm 1989
 Fait à

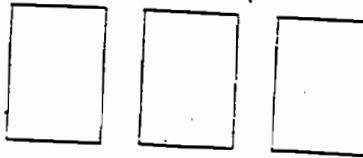


Nguyễn Phương Liên

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
 ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénom	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
 Photographie des enfants



- 5 -



Hồ Thị Hòa Liên



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

REQUEST FOR DOCUMENTS

Date: 1-17-88

Reference: File No. IV- 127369

Dear Sir/Madam:

BE SURE TO MARK ALL DOCUMENTS AND CORRESPONDENCE TO ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP) WITH THE FILE NUMBER(S) LISTED ABOVE. ALWAYS ADVISE ODP AND THE U.S. POST OFFICE NEAREST TO YOUR RESIDENCE OF ANY ADDRESS CHANGES ON YOUR PART; ADVISE ODP ALSO OF ANY ADDRESS CHANGES BY YOUR RELATIVES IN VIETNAM.

Please send us the documents checked below in order to complete the file(s) referred to above. Do not send us documents other than those requested below.

- ☐ (1) One certified copy and an exact translation of the original birth certificate (giay khai sinh) of the relative in the United States, showing the names of his/her parents. (See Note B on page 4)
- ☐ (2) One certified copy and an exact translation of the original birth certificate(s) (giay khai sinh) of each relative in Vietnam listed below. (See Note B on page 4)
- ☐ (3) One certified copy and an exact translation of the original marriage certificate (giay hon thu) of each relative listed on this case who is married. (See Note B on page 4)

If any of the relatives in Vietnam were previously married, we need evidence that such marriages were lawfully ended. In support of this, we need one copy and an exact translation of the original death certificate of the previous spouse(s), or one copy and an exact translation of the original divorce decree, whichever is applicable. (See Note B on page 4)

- ☒ (4) Copies of pre-1975 Vietnamese Identity Cards (ID) (the can cuoc) of the relative in the U.S. and of the relatives in Vietnam who were born prior to 1960, as well as copies of the post-1975 cards

ODP-D (Document Request)
11/86



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

Re: EV 124369

ՆՃԱԿԱՆ ԴԵՆՈՒԿՆԻԿ

Dear Sir/Madam:

This is in response to your inquiry concerning the United States Orderly Departure Program, a program by which qualified individuals are able to resettle in the United States from Vietnam. The high volume of ODP cases and inquiries unfortunately prevent our giving you a more formal response than this letter.

- ☐ We regret that the Orderly Departure Program policy prohibits responses to inquiries from any party other than the petitioner, a very close relative of the beneficiary in Vietnam, or the petitioner's representative designated in writing on Immigration and Naturalization Service (INS) Form G-28.
- ☒ We acknowledge receipt of the documents for NGUYEN TIEN CHIEH, IV No. /24369, which you sent us on _____. We have/have not reviewed your relative's/relatives' files. File review is conducted in accordance with an established schedule of priorities. If additional documents are needed, we shall contact you after the file has been reviewed.
- ☐ The documents which we still need to complete _____'s case are: _____

- ☐ The Letter of Introduction (LOI) which you are inquiring about has/has not been issued. The LOI does not guarantee that you/your relative(s) will receive exit permission, as that must be obtained from the Vietnamese authorities.
- ☐ Should you/your relative(s) receive an exit permit, please notify ODP of the exit permit numbers for each person listed on the case.
- ☐ The interview with the UNHCR representative in Ho Chi Minh City has not been conducted. Interviews are scheduled by the Vietnamese authorities, and we have no influence on the scheduling of individual cases for interview.
- ☐ Your relative(s) has/have been interviewed in Ho Chi Minh City, but his/her/their case has not yet been approved by a Consular or INS officer.
- ☐ We are awaiting a medical clearance for your relative(s).
- ☐ Your relative(s) has/have been approved for the U.S., and we have notified the Vietnamese that he/she/they may be placed on a manifest for departure. We cannot predict when he/she/they will be manifested as that is solely up to the Vietnamese authorities. A local voluntary agency in your area will notify you of your relative's/relatives' onward travel plans and his/her/their exact date of arrival in the United States.

- 17 We acknowledge receipt of the documents for OSWALD TIPS CARD,
IV No. 124369, which you sent us on .
We have/have not reviewed your relative's/relatives' files. File review is
conducted in accordance with an established schedule of priorities. If
additional documents are needed, we shall contact you after the file has
been reviewed.

- 17 The documents which we still need to complete _____'s case are: _____

- 1 The Letter of Introduction (LOI) which you are inquiring about has/has not been issued. The LOI does not guarantee that you/your relative(s) will receive exit permission, as that must be obtained from the Vietnamese authorities.

- 17 Should you/your relative(s) receive an exit permit, please notify ODP of the exit permit numbers for each person listed on the case.

- 17 The interview with the UNHCR representative in Ho Chi Minh City has not been conducted. Interviews are scheduled by the Vietnamese authorities, and we have no influence on the scheduling of individual cases for interview.

- 1/ Your relative(s) has/have been interviewed in Ho Chi Minh City, but his/her/their case has not yet been approved by a Consular or INS officer.

- 17 We are awaiting a medical clearance for your relative(s).

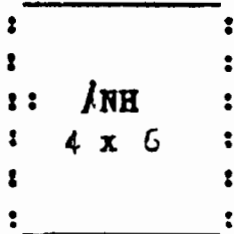
- ☐ Your relative(s) has/have been approved for the U.S., and we have notified the Vietnamese that he/she/they may be placed on a manifest for departure. We cannot predict when he/she/they will be manifested as that is solely up to the Vietnamese authorities. A local voluntary agency in your area will notify you of your relative's/relatives' onward travel plans and his/her/their exact date of arrival in the United States.

Sincerely,

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346-0001

ODP-20
(0434f: 2/86)

Số: 05752909



Họ Tên NGUYỄN-TIẾN-CHÍNH

Ngày, nơi sinh 08-3-1946

Lang-Sơn

Cha Nguyễn-Tiến-Dại

Mẹ Nguyễn-Thị-Năng

Địa chỉ Tân-Sơn-Hoa, T. Bình

Gia-Định

Dấu vết riêng:

Chăm sẹo tròn trên
sống mũi

Cao: 1th 63 HVT

Nặng: 56 kg

Chữ ký đương-sự:

Tân-Bình, ngày 27-11-1970

TRƯỞNG CHI CSQG TÂN-BÌNH

Ký tên

NGUYỄN-NGỌC-TRỞ

lấn tay

lấn tay

SAC Y BẢN CHÁNH

KBC.3011, ngày 2 Th.3.1974

TL. CHÁNH-SO AN-NINH-KHÔNG-QUÂN

THỦ-TS NGUYỄN-XUÂN-TIẾN

Trưởng Văn Phòng Chính & Văn-Kho



VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ TỔNG-TAM-MƯU/QL.VNCH

KHÔNG-QUÂN

BỘ TƯ-LENH

AN - NINH



MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

Immigration Agency
2110 East First St., Suite 115
Santa Ana, California 92705
ODP IV # 518883
(if known)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF ORANGE, CA

SECTION I

Your Name: Mr/Ms NGUYEN THI NANG
Family Middle Given Phone: (Home) (Work)
Your Address: 1 GARDEN GROVE CA
Number Street County/City State Zip Code
Date of Birth: Aug 3, 1921 Place of Birth: VIENTIANE, LAOS Nationality: VIETNAMESE
Date of Entry to U.S.: APRIL 20, 1985 From: (country/camp) THAILAND (ODP)
My Alien Registration Number: (if applicable) A-39302278
Legal Status: Parolee Permanent Resident U.S. Citizen
My Naturalization Certificate Number: (if applicable) N/A

SECTION II

I am filing the Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my I-94 (both sides) I-151 or I-551 (Permanent Resident Card) is attached.

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit yes no. If yes, date submitted: and date approved:

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
NGUYEN TIEN CHINH	March 8, 1946 LANXON VIETNAM	SON	57C TU XUONG - QUAN
VU THI MONG THU	NOV 23, 1958	DAUGHTER - IN LAW HO CHI MINH, VIETNAM	SAIGON, VIETNAM

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees; persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoner; or Amerasian, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian-American:

Name of Principal Applicant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
-----------------------------	---------------------	-------------------	--------------------



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 127369

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: 25466/89 DC

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TIEN CHINH
Last Middle First

Current Address: 57 C TU XUONG, QUAN 3, THANH PHO HO CHI MINH, VIETNAM

Date of Birth: 08 MARCH 1946 Place of Birth: VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) LIEUTENANT/ AIR FORCE
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 25 JUNE 1975 To AUGUST 1980
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI NANG
Name

GARDEN GROVE, CA. USA
Address and Telephone Number PHONE: (714) 537-1391

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>PLEASE SEE ATTACHED SHEET</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Sept. 27. 89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TIEN CHINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VU THI MONG THU	23 NOV. 1958	WIFE

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TIEN CHINH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : MARCH 08 1946
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu):
MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): MARRIED
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 57 C TU XUONG, QUAN 3, THANH PHO HO CHI MINH, VIETNAM
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) YES No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): 25TH JUNE 1975 To (Den): AUGUST 1980

PLACE OF RE-EDUCATION: TAN HIEP CAMP, KATUM CAMP, SUDI MAU CAMP
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): LIEUTENANT/ AIR FORCE

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): TWO TIMES (DOCUMENTS ATTACHED)
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): LIEUTENANT / AIR FORCE
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu):
Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): YES
IV Number (So ho so): IV-127369
No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): ONE (01)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN):
57 C TU XUONG, QUAN 3, THANH PHO HO CHI MINH, VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN THI NANG
GARDEN GROVE, CA. USA

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong): NONE

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liep he voi tu nhan tai VN): MOTHER

NAME & SIGNATURE: NGUYEN THI NANG
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
SAME

DATE: SEPTEMBER 27TH 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TIEN CHINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VU THI MONG THU	23 NOV. 1958	WIFE

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ODP FILE NUMBER IV- 127369
(APPLICANT: NGUYEN TIEN CHINH)

.... CONTINUED:

4. NAMESE OF RELATIVES, ACQUAINTANCES IN THE USA.:

<u>FULL NAME:</u>	<u>ADDRESS & TELEPHONE NUMBER:</u>	<u>RELATIONSHIP:</u>
1- NGUYEN TIEN DAI	- GARDEN GROVE, CA.	- FATHER
2- NGUYEN THI NANG	- SAME AS ABOVE	- MOTHER
3- NGUYEN TIEN MINH	- SAME AS ABOVE	- BROTHER
4- NGUYEN TIEN THINH	- FOUNTAIN VALLEY, CA.	- BROTHER
5- NGUYEN THIEN HUONG	- INDIANAPOLIS, IN.	- SISTER
6- NGUYEN HOANH	- SAN CLEMENTE, CA	- BROTHER
7- NGUYEN DAN QUE	- NEW YORK, NY	- SISTER
8- NGUYEN PHUONG MAI	- VALLEJO, CA.	- SISTER
9- NGUYEN THUY HANG	- ,SANTA ANA, CA.	- SISTER

---//---

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

FEB 3, 1988

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN TIEN CHIEN
VU THI MONG THU

BORN 8 MAR 46 (IV 127369)
BORN 23 NOV 58 WIFE

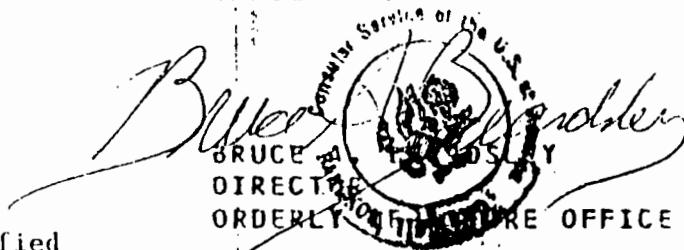
ADDRESS IN VIETNAM: 57 C TU XUONG
Q 03
I/P HO CHI MINH

VERL #: 43520

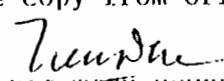
SU QUAN HON KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, D HOP DON TAI SU QUAN HY DE SANG HOA KY, VOI DIU YEN HO DUOC KHAN SUC KHEP TAI VIET NAM, VA DUOC PHONG VA CHA OAI HICH CUA CHUONG TRINH RA DI CO TRAT TU CUA HOA KY. HON TAI YEN CAU GIOT THANH QUYEN CAP CHO HO GIAY PHAT LAM HOA KY. HON GIAY TO CAN THIET DE ROI VIET NAM. / THE ABOVE PERSONS ARE GIVEN PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THE EMBASSY OF THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A PREVIOUS EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM. WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

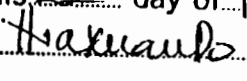
PHONG HON KI TREN DA DUOC UNHOC DE NGHI TOI THANH QUYEN VIET NAM THEO DAH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE ORDER ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,


BRUCE A. ANDERSON
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTURE OFFICE

I, undersigned DAI TIEN NGUYEN, certified
DDP-1 this is a true copy from original.
11/87 2611013


DAI TIEN NGUYEN

Subscribed and sworn to before me
this 22 day of February 1988.
 Notary Public
CALIFORNIA



BO NOI VU
TRAI CAI TAO TAN HIOP

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc.

Số: 472/GH

Thống tư số 966/UGA-TT ngày 31 tháng 5 năm 1961 của Bộ Nội vụ, Thi hành án văn, quyết định tha số: 101 ngày 01 tháng 8 năm 1960

Này cấp giấy ra trả cho anh, chị có tên dưới đây:

Họ và tên thật sinh: Nguyễn Tiến Chính.

Họ và tên thường dùng:

Sinh ngày tháng năm 1946 tại Nơi sinh: Lạng Sơn.

Nơi đăng ký nhận khai thường trú trước khi bị bắt:

57 C, Tú xương, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Coi tội: Trung úy, sĩ quan căn bản tiếp sự.

Đi bắt ngày: 25-6-1975 in ph: TTCT.

Theo quyết định án văn số ngày tháng năm x của:

Đã bị tổng án lần cộng thành năm
Đã được giảm án lần cộng thành tháng.

Nay về cư trú tại: 57 C, đường Tú xương, quận 3, t/p Hồ Chí Minh.

NHÂN KẾT QUA TRÌNH CẢI TẠO.

Quản chế 12 tháng tại địa phương.

(Không được cư trú tại thành phố).

Lưu trữ ngón trở phải: Họ tên, chữ ký của

Ngày 01 tháng 8 năm 1960.

Qu: Nguyễn Tiến Chính người được cấp giấy

Danh bản số: 6722

Lập tại: Tân Hiop.



Handwritten signature

Nguyễn Tiến Chính

Handwritten signature

Trưng t: Đào-Lương.

KBC. 3.011, ngày 15 Th 10.1974

TSI.LAM.St.18.09.1974

VIET-NAM CONG-HOA

BO QUOC-PHONG

BO TONG THAM-MUU QLVNCH

KHONG-QUAN

BO TU-LENH

HUAN-LUYEN

AI-TUONG CAO-VAN-VIEN
Tong Tham-Muu Truong QLVNCH

2

Số : 17.433/TM/KQ/HL/ĐHHL/CSVĐ

- Chiếu Huân-Thị số 0068/QP/DL/7 ngày 05.01.1961, ấn định thể thức cấp phát Bằng chuyên-môn Sĩ-quan Không-Quân.
- Tham-chiêu Sư-Vũ Văn-Thư mãn các khóa huấn-luyện chuyên-môn tring nước phổ biến dưới các số :
 - + 13.697/TM/KQ/HL/ĐHHL/1.3 ngày 09.08.1974
 - + 13.215/TM/KQ/HL/ĐHHL/1.2 ngày 02.08.1974
- Tham-chiêu Sư-Vũ Văn-Thư mãn các khóa huấn-luyện chuyên-môn tại ngoại quốc phổ biến dưới các số :
 - + 05.627/TM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 09.04.1974
 - + 12.281/TM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 19.07.1974.
 - + 14.721/TM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 27.08.1974.
 - + 13.701/TM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT Ngày 09.08.1974
 - + 12.778/TM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 14.07.1973.
- Tham-chiêu định chánh số : 11807/TM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 12.07.1974.
- Theo đề nghị của Trung-Tướng Tư-Lệnh Không-Quân.

(()) U Y E T - (()) I N H

ĐIỀU 1. - Nay cấp phát BẰNG CHUYÊN-MÔN SĨ-QUAN cho các quân-nhân có tên sau đây :

Số :	HỌ và TÊN	Cấp :	Số QUÂN	Số :	Nơi	ĐƠN-VỊ
T.T:		bậc :		bằng:	Huân-Luyện	
(1):	(2)	(3)	(4)	(5):	(6)	(7)
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

-o- BẰNG SĨ-QUAN AN-NINH -o-

- 82.21 -

Kể từ ngày 01.06.1974

45 :	Đỗ-mạnh-QUANG	Ch/Ủy :	73/607.540	: 070 :	LACKLAND,	ĐVQTKQ/ts
46 :	Lê-minh-TUÂN	/ :	72/609.420	: 071 :	WASHINGTON	"
47 :	Nguyễn-tân-PHÁT	Tr/Ủy :	69/601.094	: 072 :	"	"
48 :	Nguyễn-tiến-CHÍNH	/ :	66/601.860	: 073 :	"	"

ĐIỀU 2. - Các đương-sự được phép phục-vụ trong ngành chuyên-môn mới kể từ ngày được cấp phát bằng này.

ĐIỀU 3. - Các Đơn-vị Trưởng có nhiệm-vụ :

- a-Thông-báo và cấp phát một bản trích-lục Quyết-Định này cho mỗi đương-sự
- b-Xếp một bản vào hồ-sơ quân-bạ của các đương-sự sau khi nhất tư.
- c-Trưởng hợp có quân-nhân đã chuyển chuyên đi đơn-vị khác, thông-báo tiếp cho Đơn-vị mới của đương-sự.

NƠI NHẬN :

Đại-Tướng CAO-VAN-VIEN
Tong Tham-Muu Truong QLVNCH
(ký tên và đóng dấu)

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

KBC. 3.011, ngày 13.11.1974

TUN. CHÁNH SỞ AN-NINH KHÔNG-QUÂN

Đại-Ủy VŨ-CHÍNH-TRỰC

Trưởng Ban Hành-Chánh

VIET-NAM CONG-HOA
BO QUOC-PHONG
BO TONG THAM-MUU QLVNCH
KHONG-QUAN
BO TU-LENH
AN - NINH





CERTIFICATE OF AERONAUTICAL RATING
FROM THE DEPARTMENT OF THE AIR FORCE OF THE UNITED STATES OF AMERICA

TO ALL WHO SHALL SEE THESE PRESENTS, GREETINGS:

THIS IS TO CERTIFY THAT

Nguyen Tien Chinh

**HAS SATISFACTORILY COMPLETED THE
PRESCRIBED COURSES OF INSTRUCTION
OF THE AIR TRAINING COMMAND.**

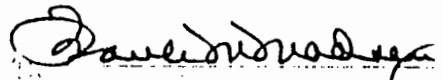
SPECIALIZING IN

UNDERGRADUATE PILOT TRAINING

**IN TESTIMONY WHEREOF AND BY VIRTUE OF
VESTED AUTHORITY I DO CONFER UPON HIM THIS
DIPLOMA AND THE AERONAUTICAL RATING OF**

PILOT

**GIVEN AT KEESLER AFB, MISSISSIPPI ON THIS SEVENTEENTH
DAY OF JULY IN THE YEAR OF OUR LORD ONE THOUSAND
NINE HUNDRED AND SEVENTY**


**FRANK M. MADSEN,
MAJOR GENERAL, US.**

pv. p212 th luc
Si' phu 15 gio - 21/3/74

VIỆT - NAM CỘNG HÒA
(REPUBLIQUE DU VIET-NAM)

BỘ QUỐC - PHÒNG
(SECRÉTARIAT D'ÉTAT À LA DÉFENSE NATIONALE)

S U - V U - L E N H

LỆNH ĐI CHUYỂN SỐ 131/QP/TCTT/HG1/N/SVL
ORDRE DE DÉPLACEMENT N°

Tổng-Trưởng Quốc-Phòng cho phép : HAI (02) quan nhân có tên sau :

- 1/- Trung-Úy NGUYỄN TIẾN CHINH sq: 66/601.860
2/- NGUYỄN TÂN PHÁT sq: 69/601.094

2

để đi Tu SAIGON đến HOA KÝ ghe Phi Luật Tân và trở về .
de se rendre

LÝ - DO Học khoa "SPECIAL INVESTIGATION" tại Hoa-Ký (Chương trình MAP)
Motif du déplacement

THAM - CHIẾU PDT số 1673/TM/TCHH ngày 14/03/1974
Référence

PHƯƠNG TIỆN CHUYỂN CHỖ Phi cơ quan su Hoa-Ký .
Moyens de transport

NGÀY ĐI 20/03/1974
Date de départ

THỜI GIAN ĐI CHUYỂN 10 tuần lễ.
Durée du déplacement

Phí khoản công vụ sẽ do quỹ MAP đài thọ
Les frais de mission seront imputés au

Yêu cầu các nhà chức trách quân dân chính dành mọi sự dễ dàng cho
Les autorités civiles et militaires sont priées de faciliter à

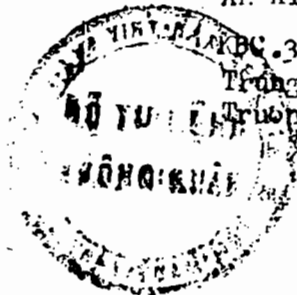
các đương sự trong khi đi chuyển mà Chính phủ đã giao phó.

L'accomplissement du déplacement qui lui a été confié par le Gouvernement du Viet Nam

NOI NHẬN :

- Bo Tổng Tham Mưu/VF.TMT
- Tổng Cục Quan Huan/TM
- Bo Tu Lanh Không Quân
- Bo Ngoại Giao (Mha PL-C-VI-LS)
- "trần trong yêu cầu Quý Bộ cấp sơ thông hành cho các đương sự"
- Phòng TVQL cảnh Toà Đại-Su VNCH tại Hoa-KÝ (qua P.Suu-Tam/BQP)
- Cục An Ninh Quan Doi
- Phòng Suu-Tam/BQP
- Ho-so - Lưu .-

19/03/1974
Saigon, TIGUYON THƯƠNG MÔ QUỐC PHÒNG
TH. PHU TA TONG THUONG QUOC PHONG
Dong-Ly Van-Thong
AN KY : DO DINH LUY
SAC Y BAN CHANH :
BQ. 3011 ngày 19/03/1974
Trang-Ta NGO KHAC THUAT
Truong Phong C huyen Van/BQLKQ



M.E
20.12.65 QĐ-595B

11.65. TTALAP. O. 1680

CHỦ AN-QUÂN QUÂN LÍNH
PHI ĐOÀN LÍNH PHÚC
CHỦ AN-QUÂN QUÂN LÍNH
Ngày 21-3-74

CHỦ AN-QUÂN QUÂN LÍNH
NGUYỄN TIẾN CHINH

2997

[Handwritten signature]

KBC. 3.011, ngày 15 Th 10.1974

VIET-NAM CONG-HOA
BO QUOC-PHONG
BO TONG THAM-MUU QLVNCH
KHONG-QUAN
BO TU-LENH
HUAN-LUYEN

AI-TUONG CAO-VAN-VIEN
Tong Tham-Muu Truong QLVNCH

2

SỐ : 17.433/TTM/KQ/HL/ĐHHL/CSV

- Chiếu Huân-Thi số 0068/QP/DL/7 ngày 05.01.1961, ấn định thể thức cấp phát BẰNG CHUYÊN-MÔN Sĩ-quan Không-Quân.

- Tham-chiếu Sư-Vụ Văn-Thư mãn các khóa huấn-Luyện chuyên-môn trong nước phổ biến dưới các số :

+ 13.697/TTM/KQ/HL/ĐHHL/1.3 ngày 09.08.1974

+ 13.215/TTM/KQ/HL/ĐHHL/1.2 ngày 02.08.1974

- Tham-chiếu Sư-Vụ Văn-Thư mãn các khóa huấn-luyện chuyên-môn tại ngoại quốc phổ biến dưới các số :

+ 05.627/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 09.04.1974

+ 12.281/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 19.07.1974.

+ 14.721/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 27.08.1974.

+ 13.701/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT Ngày 09.08.1974

+ 12.778/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 14.07.1973.

- Tham-chiếu định chánh số : 11807/TTM/KQ/HL/ĐHHL/TLTT ngày 12.07.1974.

- Theo đề nghị của Trung-Tướng Tư-Lệnh Không-Quân.

() U Y E T - () I N H

ĐIỀU 1.- Nay cấp phát BẰNG CHUYÊN-MÔN SĨ-QUAN cho các quân-nhân có tên sau đây :

Số :	HỌ và TÊN	Cấp :	SỐ QUAN	Số :	Nơi	ĐƠN-VỊ
T.T:		bậc :		bảng:	Huân-Luyện	
(1):	(2)	(3)	(4)	(5):	(6)	(7)

-o- BẰNG SĨ-QUAN AN-NINH -o-

- 82.21 -

Kể từ ngày 01.06.1974

45 :	Đỗ-mạnh-QUANG	: Ch/Ủy :	73/607.540	: 070 :	LACKLAND,	: ĐVQTKQ/ ts
46 :	Lê-minh-TUÂN	: / :	72/609.420	: 071 :	WASHINGTON	: "
47 :	Nguyễn-tân-PHÁT	: Tr/Ủy :	69/601.094	: 072 :	"	: "
48 :	Nguyễn-tiến-CHÍNH	: / :	66/601.860	: 073 :	"	: "

ĐIỀU 2.- Các đương-sự được phép phục-vụ trong ngành chuyên-môn mới kể từ ngày được cấp phát bằng này.

ĐIỀU 3.- Các Đơn-vị Trưởng có nhiệm-vụ :

a-Thông-báo và cấp phát một bản trích-lục Quyết-Định này cho mỗi đương-sự

b-Xếp một bản vào hồ-sơ quân-bạ của các đương-sự sau khi nhất tu.

c-Trường hợp có quân-nhân đã chuyển đi đơn-vị khác, thông-báo tiếp cho đơn-vị mới của đương-sự.

NƠI NHẬN :

Đại-Tướng CAO-VAN-VIEN
Tong Tham-Muu Truong QLVNCH
(ký tên và đóng dấu)

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

KBC. 3.011, ngày 13.11.1974

TUN. CHÁNH SỞ AN-NINH KHÔNG-QUÂN

Đoàn-lưu Vĩ-CHÍNH-TRÚC

VIET-NAM CONG-HOA
BO QUOC-PHONG
BO TONG THAM-MUU QLVNCH
KHONG-QUAN

Họ tên NGUYỄN TIẾN CHINH
 Nam et prénoms
 Ngày sinh 1946
 Date de naissance
 Nơi sinh Long Sơn
 Lieu de naissance
 Chỗ ở Ấp. Hòa Bình, Minh
 Domicile
 Quốc tịch Việt Nam
 Nationalité
 Nghề nghiệp
 Profession
 Nhân dạng Chức vụ
 Signalement
 Màu mắt
 Couleur des yeux
 Vết tích đặc biệt
 Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
 Photographie du titulaire



Chữ ký
 Signature

- 3 -


 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 REPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
 Passeport

Số 25466
 N° 89/84

Hộ chiếu này gồm 32 trang
 Ce passeport contient 32 pages

- 1 -

BI CHÚ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 25466
 CSố Nguyễn Tiến Chinh
 Nơi Việt Nam
 Đến Liên bang quốc gia Mỹ
 Từ Liên bang quốc gia Mỹ
 Ngày 20/12/1989
 Hết hạn 20/12/1990
 CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
 1 Trưng phòng E



Nguyễn Phương
 Liên

- 4 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
 Ce passeport est valable pour se rendre

CHÍNH QUỐC HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 UNIS D'AMÉRIQUE

và hết hạn ngày 20/06/1992
 IL expire le

trừ khi được gia hạn
 sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 06 năm 1989
 Fait à

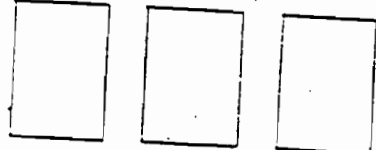


Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
 ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Nơi, sinh Lieu et date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
 Photographie des enfants



- 5 -



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

REQUEST FOR DOCUMENTS

Date: 1-17-88

Reference: File No. IV- 107367

Dear Sir/Madam:

BE SURE TO MARK ALL DOCUMENTS AND CORRESPONDENCE TO ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP) WITH THE FILE NUMBER(S) LISTED ABOVE. ALWAYS ADVISE ODP AND THE U.S. POST OFFICE NEAREST TO YOUR RESIDENCE OF ANY ADDRESS CHANGES ON YOUR PART; ADVISE ODP ALSO OF ANY ADDRESS CHANGES BY YOUR RELATIVES IN VIETNAM.

Please send us the documents checked below in order to complete the file(s) referred to above. Do not send us documents other than those requested below.

- ☐ (1) One certified copy and an exact translation of the original birth certificate (giay khai sinh) of the relative in the United States, showing the names of his/her parents. (See Note B on page 4)
- ☐ (2) One certified copy and an exact translation of the original birth certificate(s) (giay khai sinh) of each relative in Vietnam listed below. (See Note B on page 4)
- ☐ (3) One certified copy and an exact translation of the original marriage certificate (giay hon thu) of each relative listed on this case who is married. (See Note B on page 4)

If any of the relatives in Vietnam were previously married, we need evidence that such marriages were lawfully ended. In support of this, we need one copy and an exact translation of the original death certificate of the previous spouse(s), or one copy and an exact translation of the original divorce decree, whichever is applicable. (See Note B on page 4)

- ☒ (4) Copies of pre-1975 Vietnamese Identity Cards (ID) (the can cuoc) of the relative in the U.S. and of the relatives in Vietnam who were born prior to 1960, as well as copies of the post-1975 cards

ODP-D (Document Request)
11/86



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

Date: 21 MAY, 86

Re: 2v 124319

NDUYAN TERNAYIN

Dear Sir/Madam:

This is in response to your inquiry concerning the United States Orderly Departure Program, a program by which qualified individuals are able to resettle in the United States from Vietnam. The high volume of ODP cases and inquiries unfortunately prevent our giving you a more formal response than this letter.

- ☐ We regret that the Orderly Departure Program policy prohibits responses to inquiries from any party other than the petitioner, a very close relative of the beneficiary in Vietnam, or the petitioner's representative designated in writing on Immigration and Naturalization Service (INS) Form G-28.
- ☒ We acknowledge receipt of the documents for NGUYEN TIEN CHINH, IV No. 124369, which you sent us on _____. We have/have not reviewed your relative's/relatives' files. File review is conducted in accordance with an established schedule of priorities. If additional documents are needed, we shall contact you after the file has been reviewed.
- ☐ The documents which we still need to complete _____'s case are: _____
- ☐ The Letter of Introduction (LOI) which you are inquiring about has/has not been issued. The LOI does not guarantee that you/your relative(s) will receive exit permission, as that must be obtained from the Vietnamese authorities.
- ☐ Should you/your relative(s) receive an exit permit, please notify ODP of the exit permit numbers for each person listed on the case.
- ☐ The interview with the UNHCR representative in Ho Chi Minh City has not been conducted. Interviews are scheduled by the Vietnamese authorities, and we have no influence on the scheduling of individual cases for interview.
- ☐ Your relative(s) has/have been interviewed in Ho Chi Minh City, but his/her/their case has not yet been approved by a Consular or INS officer.
- ☐ We are awaiting a medical clearance for your relative(s).
- ☒ Your relative(s) has/have been approved for the U.S., and we have notified the Vietnamese that he/she/they may be placed on a manifest for departure. We cannot predict when he/she/they will be manifested as that is solely up to the Vietnamese authorities. A local voluntary agency in your area will notify you of your relative's/relatives' onward travel plans and his/her/their exact date of arrival in the United States.

- 107 We acknowledge receipt of the documents for VOUYEN TIEN GACHA,
IV No. 124369, which you sent us on .
We have/have not reviewed your relative's/relatives' files. File review is
conducted in accordance with an established schedule of priorities. If
additional documents are needed, we shall contact you after the file has
been reviewed.

- 17 The documents which we still need to complete _____'s case are:

- 17 The Letter of Introduction (LOI) which you are inquiring about has/has not been issued. The LOI does not guarantee that you/your relative(s) will receive exit permission, as that must be obtained from the Vietnamese authorities.

- 17 Should you/your relative(s) receive an exit permit, please notify ODP of the exit permit numbers for each person listed on the case.

- 17 The interview with the UNHCR representative in Ho Chi Minh City has not been conducted. Interviews are scheduled by the Vietnamese authorities, and we have no influence on the scheduling of individual cases for interview.

- 1 Your relative(s) has/have been interviewed in Ho Chi Minh City, but his/her/their case has not yet been approved by a Consular or INS officer.

- 17 We are awaiting a medical clearance for your relative(s).

- Your relative(s) has/have been approved for the U.S., and we have notified the Vietnamese that he/she/they may be placed on a manifest for departure. We cannot predict when he/she/they will be manifested as that is solely up to the Vietnamese authorities. A local voluntary agency in your area will notify you of your relative's/relatives' onward travel plans and his/her/their exact date of arrival in the United States.

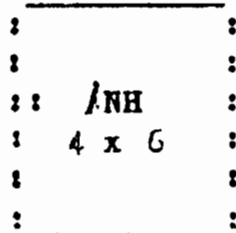
Sincerely,

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346-0001

ODP-20
(0434f: 2/86)

THẺ - CĂN - CỨ ĐÓ

Số: 05752909



Họ Tên NGUYỄN-TIẾN-CHÍNH

Ngày, nơi sinh 08-3-1946

Lang-Sơn

Cha Nguyễn-Tiến-Dại

Mẹ Nguyễn-Thị-Năng

Địa chỉ Tân-Sơn-Hòa, T. Bình

Gia-Định

Dấu vết riêng:

Chăm sẹo tròn trên
sống mũi

Cao: 1th 63 HVT

Nặng: 56 kg

Chữ ký đương-sự:

Tân-Bình, ngày 27-11-1970

TRƯỞNG CHI CSQG TÂN-BÌNH

Ký tên

NGUYỄN-NGỌC-THỎ

lấn tay

lấn tay

SAC Y BẢN CHÁNH

KBC.3011, ngày 2 Th.3.1974

TL. CHÁNH-SO AN NINH PHONG-QUAN

THỦ-TS NGUYỄN-KUÂN-TIẾN

Trưởng Văn Phòng Chính & Văn Khố



VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ TỔNG-TAM-MŨU/QL. VNCH

KHÔNG-QUÂN

BỘ TƯ-LỆNH

AN - NINH

=====



IMMIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

Immigration Agency
2110 East First St., Suite 115
Santa Ana, California 92705
ODP IV # 518883
(if known)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF ORANGE, CA

SECTION I

Your Name: Mr./Ms. NGUYEN THI NGANG Phone: (Home) _____
Family Middle Given (Work) _____
Your Address: _____
Number Street County/City State Zip Code
Date of Birth: Aug 3, 1921 Place of Birth: VIENTIANE, LAOS Nationality: VIETNAMESE
Date of Entry to U.S.: APRIL 20, 1985 From: (country/camp) THAILAND (ODP)
My Alien Registration Number: (if applicable) A-39302278
Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident ☒ U.S. Citizen _____
My Naturalization Certificate Number: (if applicable) N/A

SECTION II

I am filing the Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my _____ I-94 (both sides) _____ I-151 or ☒ I-551 (Permanent Resident Card) is attached.

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit _____ yes ☒ no. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____.

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
NGUYỄN TIẾN CHINH	March 8, 1946, LANXON, VIETNAM	SON	57C TUXUONG - QUANG
VŨ THỊ MỘNG THU	NOV 23, 1958, SAIGON, VIETNAM	DAUGHTER - IN LAW	HỒ CHÍ MINH, VIETNAM

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees; persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoner; or Amerasian, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian-American:

Name of Principal Applicant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
-----------------------------	---------------------	-------------------	--------------------

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter *✓* *Dis. Goal* *11/89*